TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: C, Tòa H, Lô A, Khu đô thị Hai Bên Đường Lê Trọng T, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: 281 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Lưu Văn B**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và đơn xin vắng mặt, nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian quen biết, tìm hiểu, bà và ông Lưu Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 269 ngày 01/11/2022.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khá hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hợp nhau và có sự khác biệt về lối sống. Quá trình hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ tình cảm với nhau, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trở nên gay gắt. Cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng kéo dài, ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như công việc của cả hai bên. Hiện tại cả hai không còn chung sống với nhau, vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương và chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Văn B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông B không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lưu Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trịnh Thị T tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 269 ngày 01/11/2022.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và có sự khác biệt về lối sống. Ông và Bà T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 09/2024 đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Trịnh Thị T được ly hôn với ông Lưu Văn B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông B không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trịnh Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lưu Văn B, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ B, khu phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà T nộp đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được thụ lý, giải quyết. Bà T, ông B đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 269 ngày 01/11/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T, ông B đều xác định vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không có hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau thời gian dài từ tháng 09/2024 đến nay. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa bà T và ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông B là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà T, ông B trình bày không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T, ông B trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà T, ông B trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T về việc "Ly hôn" với ông Lưu Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị T được ly hôn với ông Lưu Văn B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005819 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà Trịnh Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Kim Thoa